

Số: 240/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 06 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Sơ kết công tác tháng 3, quý I và kế hoạch công tác tháng 4, quý II năm 2020

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÁNG 3, QUÝ I

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trong quý gặp nhiều khó khăn như: mặn đến sớm và cao hơn cùng kỳ nhiều năm, diễn biến phức tạp và xâm nhập vào nội đồng kết hợp với nắng nóng gay gắt gây thiệt hại cho sản xuất, nước ngọt dự trữ trong nội đồng không đảm bảo cho sản xuất, một số hộ dân thiếu nước sinh hoạt; môi trường ao nuôi tôm đầu vụ chưa ổn định, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn làm giảm sức đề kháng của tôm, tạo điều kiện cho các loại bệnh phát sinh; ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã gây ra tình trạng ùn tắc, dư cung cục bộ và làm rớt giá hầu hết mặt hàng nông sản chính như thanh long ruột đỏ, dưa hấu, cá lóc, xoài các loại; giá heo giống cao, khan hiếm và do ảnh hưởng của bệnh Dịch tả heo Châu Phi năm 2019 nên người dân chưa mạnh dạn đầu tư tái đàn dẫn đến tổng đàn giảm mạnh. Bên cạnh đó, cũng có một số thuận lợi như: Bệnh Cúm gia cầm có xuất hiện nhưng nhanh chóng được bao vây, khống chế; bệnh Lở mồm long móng gia súc và Dịch tả heo Châu Phi tiếp tục được kiểm soát; giá cả một số nông sản vẫn ở mức cao như heo hơi, lúa, dưa khô, gà thả vườn, tôm sú, tôm thẻ, cua biển, cụ thể tình hình sản xuất như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu xây dựng dự thảo: 01 Kế hoạch của Tỉnh ủy⁽¹⁾; 01 Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh⁽²⁾; 01 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh⁽³⁾; 07 Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

⁽²⁾ Kế hoạch hành động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

⁽³⁾ Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

⁽⁴⁾ Quy định mức chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh; quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025; chính sách cải tạo vườn tạp, chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả sang cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; Phương án Rò soát, chuyển đổi đất, rừng ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 01 Quyết định quy phạm pháp luật⁽⁵⁾, 04 Quyết định thông thường⁽⁶⁾; 01 Công văn⁽⁷⁾ gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị hỗ trợ kinh phí ứng phó xâm nhập mặn.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp làm việc với địa phương về định hướng bố trí sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi giai đoạn 2020-2025.

Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành 03 Quyết định⁽⁸⁾, 07 Kế hoạch⁽⁹⁾; 01 kịch bản⁽¹⁰⁾.

Để chủ động trong công tác phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn và phòng chống dịch bệnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập 05 Tổ công tác phòng chống hạn mặn; 03 Tổ chỉ đạo, hỗ trợ chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh nguy hiểm đối với gia súc, gia cầm; 04 Tổ chỉ đạo, hỗ trợ kỹ thuật nuôi và phòng chống dịch bệnh thủy sản. Ngoài ra, Sở Nông nghiệp và PTNT còn rà soát, đánh giá tác động của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, hạn hán, xâm nhập mặn, Cúm gia cầm và Dịch tả heo Châu Phi ảnh hưởng đến sản xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; xây dựng khung lịch thời vụ các vụ Hè Thu, Thu Đông, vụ Mùa 2019 và vụ Đông Xuân 2020 -2021 theo hướng điều chỉnh mùa vụ phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu, đồng thời khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp ở vùng thường xuyên bị hạn hán, thiếu nước sang cây trồng cạn.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2020 (giá so sánh 2010) ước đạt 4.816 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010) đạt 16,61% kế hoạch, giảm 2,29% so cùng kỳ, trong đó:

- Nông nghiệp: 3.341 tỷ đồng, đạt 18,37% KH, giảm 6,62%.
- Lâm nghiệp: 64,5 tỷ đồng, đạt 20,82% KH, tăng 1,43%.
- Thủy sản: 1.410 tỷ đồng, đạt 13,43% kế hoạch, tăng 9,54%.

⁽⁵⁾ Số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/2/2020 về việc Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

⁽⁶⁾ Số 191/QĐ-UBND ngày 04/02/2020 quy định đơn giá cây trồng để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình cải tạo, nâng cấp đường nối Hương lộ 20 - hương lộ 12 huyện Cầu Ngang; số 226/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 quy định đơn giá cây trồng để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình nạo vét hệ thống kênh trục và xây dựng công trình điều tiết trên kênh; số 328/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 về phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ bơm tát chống hạn hán, xâm nhập mặn bảo vệ sản xuất lúa vụ Đông Xuân 2019-2020 trên địa bàn tỉnh; số 75/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

⁽⁷⁾ Số 804/UBND ngày 11/3/2020 về việc hỗ trợ kinh phí ứng phó hạn, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh

⁽⁸⁾ Số 18/QĐ-SNN ngày 31/01/2020 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 38/QĐ-SNN ngày 18/02/2020 thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh.

⁽⁹⁾ Số 44/KH-SNN ngày 31/01/2020 về việc Cải cách hành chính năm 2020; số 53/KH-SNN ngày 03/02/2020 về việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường của nhà nước; số 69/KH-SNN ngày 10/02/2020 về triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật; số 71/KH-SNN ngày 11/02/2020 về công tác phòng, chống tham nhũng; số 72/KH-SNN ngày 11/02/2020 về triển khai thực hiện Luật Trồng trọt trên địa bàn tỉnh; số 87/KH-SNN ngày 17/02/2020 kế hoạch hỗ trợ bơm tát chống hạn, xâm nhập mặn bảo vệ sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020; 183/KH-SNN, 16/3 Kế hoạch Thả con giống thủy sản ra môi trường tự nhiên để tái tạo nguồn lợi thủy sản nhân kỷ niệm ngày truyền thống nghề cá (01/4/1959-01/4/2020).

⁽¹⁰⁾ Dự báo thiệt hại do xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2019-2020 trên địa bàn tỉnh.

3. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

- Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng trong tháng 5.712 ha, nâng tổng số được 83.000 ha, đạt 29,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 7.232 ha, cụ thể:

+ Cây lúa: Đã gieo sạ được 62.664 ha, đạt 28% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 6.155 ha; đã thu hoạch 13.227 ha, chiếm 21,11% diện tích xuống giống, sản lượng 76.019 tấn, tăng 826 tấn so cùng kỳ (nguyên nhân do tiến độ thu hoạch lúa Đông Xuân nhanh hơn), cụ thể:

++ Vụ Mùa: Trong tháng thu hoạch 228 ha, đến nay đã thu hoạch dứt điểm 2.214 ha, chiếm 97,84% diện tích xuống giống (mất trắng 49 ha) năng suất trung bình 3,94 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,51 tấn/ha), sản lượng 8.726 tấn, thấp hơn cùng kỳ 1.226 tấn. Nguyên nhân, toàn bộ diện tích của huyện Châu Thành (1.473 ha) và Trà Cú (393 ha) lúc trở bị mặn xâm nhập nên tỷ lệ lép cao

++ Vụ Đông Xuân: Xuống giống dứt điểm 60.401 ha, đạt 88,82% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 6.183 ha; đã thu hoạch được 11.013 ha, nhanh hơn cùng kỳ 837 ha, năng suất trung bình 6,11 tấn/ha, (thấp hơn cùng kỳ 0,3 tấn/ha), sản lượng 67.293 tấn.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 5.606 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 20.336 ha, giảm 1.077 ha so cùng kỳ, đạt 36,94% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 2.596 ha, màu thực phẩm 11.287 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 6.453 ha.

- Cây lâu năm: Cải tạo trồng mới 140 ha; ước tính đến nay có 15.800 ha cây ăn trái đang cho trái, sản lượng 92.138 tấn, cao hơn cùng kỳ 2.888 tấn; 19.450 ha dứa đang cho trái, sản lượng 83.571 tấn, cao hơn cùng kỳ 3.241 tấn.

Thành lập 05 Tổ công tác phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn và phân công trực tiếp theo dõi tại các địa phương; rà soát, thống kê diện tích lúa bị thiệt hại và diện tích có khả năng phục hồi để có giải pháp hỗ trợ; tuyên truyền, hướng dẫn nông dân các biện pháp và kỹ thuật canh tác trong điều kiện khô hạn, mặn, hướng dẫn tưới tiết kiệm nước cho cây trồng; kết hợp địa phương chọn, địa điểm lắp 10 bẫy đèn thông minh trên địa bàn 6 huyện (trừ huyện Duyên Hải) phục vụ công tác dự tính, dự báo sâu bệnh; theo dõi hệ thống bẫy đèn, các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh để thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh gây hại đặc biệt là thời điểm trước, trong và sau Tết Nguyên đán và các loại sâu, dịch bệnh trong điều kiện khô, hạn, mặn. Chuyển giao quy trình nhân nuôi ong ký sinh và bọ đuôi kim cho 73 nông dân chuyên trồng dứa ở xã Tân Hòa huyện Tiểu Cần và thị trấn Càng Long huyện Càng Long; nhân nuôi được 6.000 con ong ký sinh và 800 con bọ đuôi kim để khống chế bọ cánh cứng hại dứa; xây dựng, ban hành lịch thời vụ và kế hoạch xuống giống lúa vụ Hè Thu, Thu Đông, Mùa 2020 và Đông Xuân 2020-2021; kết hợp địa phương vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và có thị trường tiêu thụ.

b) Chăn nuôi, thú y

Bệnh Lở mồm long móng (LMLM) gia súc và Dịch tả heo Châu phi vẫn được kiểm soát; giá heo hơi vẫn ở mức cao, tuy nhiên, các hộ chăn nuôi heo còn e dè chưa mạnh dạn tái đàn nên tổng đàn heo giảm mạnh, ngành đã kết hợp với địa phương tuyên truyền, hướng dẫn các hộ, trang trại chăn nuôi heo tái đàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đàn bò có chiều hướng phát triển do giá bò hơi ổn định, các hộ chăn nuôi tận dụng bờ ao, nương vườn để trồng cỏ, tận dụng các phế phẩm nông nghiệp như thân cây bắp, thân cây đậu phộng, rơm rạ kết hợp với thức ăn bổ sung để nuôi vỗ béo bò; đàn gia cầm phát triển khá do giá cả và thị trường tiêu thụ ổn định, nhiều hộ chăn nuôi heo chuyển sang chăn nuôi gà. Ước tổng đàn vật nuôi như sau: Đàn heo 119.210 con, giảm 101.306 con cùng kỳ; bò 212.007 con, tăng 1.473 con; đàn gia cầm 6,93 triệu con, tăng 700 ngàn con.

Bệnh Cúm gia cầm xảy ra ở 04 hộ chăn nuôi tại ấp Bà My, xã Hoà Ân; ấp Xóm Lớn, xã Châu Điền (huyện Cầu Kè); ấp Trà Tro, xã Hàm Giang (huyện Trà Cú) và ấp Bình Tân, xã Hiệp Hoà (huyện Cầu Ngang) với tổng đàn 7.004 con gia cầm (3.504 con gà, 3.500 con vịt), ngành đã chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với địa phương tiến hành tiêu hủy đàn gia cầm bị bệnh, thực hiện tiêu độc khử trùng, kiểm soát vận chuyển, tổ chức tiêm phòng khẩn cấp bao vây ổ dịch đúng theo quy định. Đến nay, đã qua 21 ngày không phát sinh ổ dịch mới.

Triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh gia súc, gia cầm, theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT Chỉ thị 1152/CT-BNN-TY ngày 17/02/2020 và Công văn số 506/UBND-NN ngày 19/02/2020 về việc tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống dịch Cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh; tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, đặc biệt là gia cầm giống nhập tỉnh; triển khai thực hiện tháng vệ sinh, tiêu độc khử trùng đợt I năm 2020, kết quả phun xịt, tiêu độc khử trùng 7,98 triệu m² chuồng trại của 175.040 lượt hộ chăn nuôi, đã sử dụng 5.378 lít hóa chất (trong đó, tiêu độc khử trùng dập dịch cúm gia cầm tại huyện Cầu Kè, Trà Cú và Cầu Ngang 1.981 hộ, sử dụng 107 lít hóa chất và 60kg vôi bột).

Có 05 huyện, thị xã, thành phố thành lập Tổ thẩm định tái đàn heo tại địa phương, các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Càng Long và Cầu Kè chưa thành lập Tổ thẩm định. Đồng thời, Sở cũng đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn kết hợp địa phương khảo sát, nắm tình hình chăn nuôi gia cầm quy mô lớn (trên 500 con), kết quả có 70 hộ, nuôi 154.970 con gia cầm tại 13 xã, của 05 huyện (Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải, Càng Long và Cầu Kè).

Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng Cúm được 671.560 con gia cầm; LMLM 8.338 con gia súc; Đại chó, mèo 624 con; các bệnh bệnh thông thường trên đàn gia súc 25.580 liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 715.718 liều. Nâng tổng số đến nay đã tiêm phòng Cúm 780.560 con gia cầm (tăng 321.040 con cùng kỳ); LMLM 20.781 con gia súc (tăng 9.002 con); Đại chó, mèo 868 con (giảm 301 con); các bệnh thông thường trên đàn gia súc 58.840 liều (giảm 181.697 liều) và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 809.514 liều (giảm 379.992 liều).

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 2.297 con; trâu, bò 2.559 con; gia cầm 289.128 con; sản phẩm động vật 90,8 tấn. Nâng tổng số đến nay đã kiểm dịch 4.332 con heo (giảm 81.896 con so cùng kỳ); trâu, bò 5.948 con (tăng 487 con); gia cầm 759.534 con (tăng 90.307 con); sản phẩm động vật 205,5 tấn (tăng 28,1 tấn).

Hỗ trợ thiệt hại do Dịch tả heo Châu Phi đến nay đã giải ngân với tổng kinh phí 139,093 tỷ đồng, chiếm 99,9% tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ.

c) Lâm nghiệp: Xây dựng Đề án hỗ trợ phát triển rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; hoàn thành công tác đấu thầu chào hàng cạnh tranh 02 gói thầu dự án xây dựng kè mềm kết hợp với trồng rừng các đoạn sạt lở ven sông Hậu trên địa bàn các xã Kim Sơn, Lưu Nghiệp Anh và An Quảng Hữu (huyện Trà Cú); thực hiện quản lý động vật hoang dã theo chỉ đạo của Tổng cục Lâm nghiệp tại Công văn 126/TCLN-CTNV ngày 06/02/2020. Vệ sinh và tổ chức trực phòng cháy, chữa cháy 254,3 ha rừng, đạt 100% kế hoạch; tổ chức 88 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện, xử lý 03 trường hợp khai thác rừng và phá rừng trái phép làm thiệt hại 1.278 m² rừng. Nâng đến nay đã tổ chức 233 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện, xử lý 09 trường hợp khai thác gỗ và phá rừng trái pháp luật, làm thiệt hại 3.199 m² rừng; xác nhận 02 bảng kê xuất bán động vật hoang dã.

*** Thiệt hại rừng:**

Gió mùa Đông Bắc thổi mạnh, gây sóng lớn trên tuyến ven sông Cỏ Chiên qua địa bàn xã Vĩnh Kim, Mỹ Long Bắc huyện Cầu Ngang; xã Hòa Minh, Long Hòa huyện Châu Thành đã làm sạt lở, xâm thực vào đất liền từ 10m đến 15m, làm cho tuyến rừng phòng hộ ven sông bị sạt lở và cuốn trôi, đai rừng phòng hộ hiện tại chỉ còn từ 4m đến 8m, có nơi sạt lở mạnh, xâm thực vào đất canh tác của người dân. Tổng diện tích sạt lở: 38,77 ha (xã Long Hòa 23,92 ha, Hòa Minh 3,07 ha, Vĩnh Kim 2,86 ha, Mỹ Long Bắc 8,95 ha). Sở đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn khảo sát, tìm giải pháp khắc phục.

Triều cường lên cao kết hợp với gió mạnh tạo nên sóng lớn đánh trực tiếp vào rừng làm sạt lở, đối với cây rừng có đường kính nhỏ đa phần sóng cuốn trôi ra biển, đối với cây rừng có đường kính lớn còn nằm tại hiện trường. Sở đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn khảo sát đánh giá mức độ thiệt hại 17,79 ha rừng phi lao tại các xã Đông Hải (huyện Duyên Hải) và xã Trường Long Hoà, Hiệp Thạnh (thị xã Duyên Hải) và giữ ổn định cây rừng đổ ngã ven bờ biển để hạn chế sạt lở tiếp.

d) Thủy sản:

Trong tháng, thu hoạch 13.312 tấn (sản lượng nuôi 8.063 tấn, sản lượng khai thác 5.249 tấn). Nâng tổng số đến nay đã thu hoạch 37.084 tấn (sản lượng nuôi 19.929 tấn, sản lượng khai thác 17.154 tấn), đạt 15,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 134 tấn, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 17.700 ha, thu hoạch 8.063 tấn (2.943 tấn cá lóc, 769 tấn tôm sú, 2.047 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 27.220 ha, thu hoạch 19.930 tấn (9.478 tấn cá lóc, 1.137 tấn tôm sú, 4.739 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 13,56% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 382 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 331 triệu con tôm sú giống, diện tích 5.043 ha; 450 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 834 ha; 81,7 triệu con cua biển, diện tích 11.761 ha; thu hoạch 3.243 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 755,5 triệu con tôm sú giống, diện tích 12.559 ha; 1,17 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 2.046 ha; 167 triệu con cua biển, diện tích 12.425 ha; thu hoạch 6.746 tấn (cao hơn cùng kỳ 819 tấn). Tuy nhiên, đầu vụ nuôi do nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn, làm cho 59 triệu con tôm sú (chiếm 05% lượng con giống thả nuôi), diện tích 238 ha và 259 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 25% lượng con giống thả nuôi), diện tích 358 ha mới thả nuôi bị thiệt hại, chủ yếu là bệnh đốm trắng và bệnh đường ruột xuất hiện ở một số xã của huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 9,4 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 62,8 ha; thu hoạch 4.820 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 31 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 191 ha (cá lóc 26 triệu con, diện tích 44 ha); thu hoạch 13.184 tấn (thấp hơn cùng kỳ 436 tấn).

- Thủy sản khai thác: Toàn tỉnh có 1.187 tàu cá được đăng ký (xóa đăng ký 02 tàu), tổng công suất 144.838 CV, giảm 348 CV (263 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên), góp phần đưa sản lượng khai thác đạt 5.249 tấn (750 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay đã khai thác 17.154 tấn (2.174 tấn tôm), đạt 20,02% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 249 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 1.574 tấn (405 tấn tôm) giảm 29,14% (hay giảm 647 tấn). Do tình hình hạn, hạn xâm nhập mặn, lượng nước trong nội đồng thấp ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và phát triển các loài thủy sản nên sản lượng nội đồng giảm; thời tiết thuận lợi cho tàu ra khơi bám biển nên sản lượng khai thác hải sản 15.581 tấn (1.769 tấn tôm) tăng 2,63% (hay tăng 399 tấn so cùng kỳ).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 578 tấn (tôm sú 35,3 tấn, tôm thẻ 543 tấn), chế biến 518 tấn, tiêu thụ 252 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 2,57 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 996 tấn thủy sản (tôm sú 52 tấn, tôm thẻ 944 tấn), chế biến 1.247 tấn, tiêu thụ 672 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 6,57 triệu USD.

- Kiểm dịch 104,4 triệu con giống (11,1 triệu con giống tôm sú, 93,3 triệu con giống tôm thẻ chân trắng). Nâng đến nay đã kiểm dịch 284,4 triệu con giống (26,9 triệu con tôm sú, 257,5 triệu con tôm thẻ chân trắng).

- Phòng, chống dịch bệnh thủy sản:

+ Thu 09 mẫu tôm, 01 mẫu cá lóc và 01 mẫu cá kèo phân tích bệnh phẩm, kết quả: 01 mẫu tôm nhiễm virus gây bệnh đốm trắng (WSSV); 01 mẫu tôm nhiễm vi bào tử trùng (EHP), 01 mẫu cá kèo nhiễm vi khuẩn *Aeromonas hydrophilas*. Nâng đến nay đã thu 09 mẫu giáp xác tự nhiên, 25 mẫu tôm vùng nuôi, 02 mẫu cá phân tích bệnh phẩm. Kết quả 01 mẫu giáp xác tự nhiên và 07 mẫu tôm nhiễm virus gây bệnh đốm trắng (WSSV), 02 mẫu tôm nhiễm virus hoại tử gan tụy cấp (AHPND), 04 mẫu tôm nhiễm virus gây bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (HHNV), 07 mẫu tôm nhiễm vi bào tử trùng (EHP), 05 mẫu chưa có kết quả; 01 mẫu cá kèo nhiễm vi khuẩn *Aeromonas hydrophilas*. Ngành đã thông báo kết quả đến địa phương và

hướng dẫn người nuôi xử lý nước trước khi xả thải ra môi trường tự nhiên, khuyến cáo người dân chủ động lấy nước để hạn chế mầm bệnh.

+ Tình hình cấp phát và sử dụng Chlorine xử lý vùng nuôi thủy sản trọng điểm của tỉnh: Số lượng Chlorine còn tồn năm 2019 và cấp thêm đến nay là 95,79 tấn, các địa phương đang lưu kho: Châu Thành 20,79 tấn, Cầu Ngang 35 tấn, Duyên Hải 20 tấn và thị xã Duyên Hải 20 tấn.

*** Tình hình thiệt hại do khô hạn và xâm nhập mặn:**

- Cây lúa: Trong tháng, có 6.060 hộ sản xuất lúa bị thiệt hại, diện tích 5.383,57 ha, lũy đến ngày 13/3/2020 có 12.770 hộ, diện tích 10.942,49 ha, gồm:

+ Vụ Mùa: Có 832 hộ bị thiệt hại, diện tích 381,87 ha, trong đó: Mức độ thiệt hại từ 30-70% là 98,15 ha, trên 70% là 283,71 ha tại xã Hưng Mỹ, Hòa Thuận (huyện Châu Thành) và xã Thanh Sơn và Kim Sơn (huyện Trà Cú). Tuy nhiên, chỉ mất trắng 49 ha của huyện Châu Thành, còn lại 332,87 ha giảm năng suất.

+ Vụ Đông Xuân: Có 6.060 hộ, diện tích 5.383,57 ha bị ảnh hưởng, lũy kể đến ngày 13/3/2020 có 11.938 hộ, diện tích 10.560,62 ha bị ảnh hưởng, trên địa bàn 7 huyện, trong đó, mức độ thiệt hại dưới 30% là 2.101 ha, từ 30-70% là 3.114,72 ha, trên 70% là 5.344,9 ha. Ngành đã chỉ đạo các Tổ Công tác phòng, chống hạn, mặn phối hợp với địa phương thống kê chính xác diện tích gieo sạ và diện tích bị thiệt hại, diện tích có khả năng phục hồi, triển khai kế hoạch hỗ trợ bơm tát nước phục vụ sản xuất. Triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn, hán, thiếu nước, xâm nhập mặn theo Công văn 276/UBND-NN ngày 31/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cây màu: Có 1,2 ha/03 hộ trồng dưa hấu, bí đỏ tại xã Tân Hòa và xã Hiếu trung, huyện Tiểu Cần bị thiệt hại trên 70%.

- Cây ăn trái: Do 2 cống Tân Dinh và Bông Bót đưa vào vận hành tích nước ngọt phục vụ sản xuất, các hộ trồng cây ăn trái chưa có bờ bao khép kín nên bị ảnh hưởng ngập cục bộ 72,5 ha cây ăn trái (cam, bưởi...), trong đó, có khoảng 02 ha bị ảnh hưởng nhiều, vườn cây bị ngập dẫn đến héo và rụng lá, tỷ lệ 10-15% (chưa thiệt hại), tập trung tại ấp Bung Lớn A, Bung Lớn B, Bà My, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè.

- Thủy sản: Nắng nóng, mặn xâm nhập vào nội đồng làm thiệt hại 4,5 triệu con tôm càng xanh, diện tích 135 ha, tôm ở giai đoạn 5-7 tháng tuổi, ở xã Long Hoà (huyện Châu Thành) và 300 ngàn con cá lóc ở xã Lưu Nghiệp Anh (huyện Trà Cú), diện tích 0,7 ha, ước sản lượng thiệt hại 70 tấn, Sở đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn hướng dẫn cho người nuôi một số biện pháp phòng, chống để hạn chế thiệt hại.

- Thiếu nước sinh hoạt do hạn, mặn: Số hộ thường xuyên thiếu nước do bị hạn hán, xâm nhập mặn 5.780 hộ, chủ yếu thuộc 02 huyện Càng Long (1.166 hộ), Châu Thành (4.614 hộ).

e) Phát triển nông thôn

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố lồng ghép, tuyên truyền 314 lớp về công tác xây dựng nông thôn mới cho 7.536 lượt người dự; công nhận 1.286 hộ và 11 ấp đạt chuẩn đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng đến nay lồng ghép, tuyên truyền 570 cuộc cho 13.613 người dự, cấp phát 3.600 tờ bướm tuyên truyền (*bộ tiêu chí ấp, xã nông thôn mới kiểu mẫu*); 1.300 quyển thông tin tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; 900 sổ tay bộ tiêu chí nông thôn mới cho các Sở, ngành tỉnh và các địa phương; công nhận 197.720 hộ (đạt 87,1% số phát động) và 421 ấp (chiếm 63,96%) đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về NTM: Đến nay, có 03 huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và thị xã Duyên Hải được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; huyện Càng Long đang thực hiện Kế hoạch xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 (*hiện tại, còn 03 tiêu chí chưa đạt*); có 57 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 67,05% (*50 xã có quyết định công nhận*); 05 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, chiếm 5,88%; 23 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, chiếm 27,05%; không còn xã dưới 10 tiêu chí. Riêng xã nông thôn mới nâng cao có 06 xã (*gồm Long Đức, Dân Thành, Long Hữu, Mỹ Long Nam, Tân Hòa, Tân Hưng*) đang lấy ý kiến các Sở, ngành đề hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp Hội đồng thẩm định thảo luận, bỏ phiếu xét công nhận.

+ Năm 2020 được phân bổ là 399,17 tỷ đồng (vốn trung ương 293,17 tỷ đồng, vốn địa phương 106 tỷ đồng), đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Ngành nghề, làng nghề:

+ Làng nghề: Hướng dẫn các địa phương tiếp tục rà soát, lập hồ sơ đề nghị xét, công nhận làng nghề, nghề truyền thống đạt các tiêu chí theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.

+ Ngành nghề nông thôn: Xây dựng Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn hỗ trợ năm 2020, dự kiến hỗ trợ: Hệ thống lược sậy đậu phộng; máy hút chân không; máy tách hạt; máy đóng gói dạng cốc,...

- Chương trình OCOP: Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; tham gia trưng bày sản phẩm OCOP tại Hội nghị 120 năm thành lập tỉnh; lập hồ sơ in ấn giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt 3 đến 4 sao và xây dựng kế hoạch trao Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2019; xây dựng dự án Chương trình OCOP năm 2020 trình phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Kinh tế hợp tác: Kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của các Hợp tác xã năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác năm 2020; đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục đẩy mạnh triển khai cho các HTX thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (*theo Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh*); rà soát nhu cầu của các HTX nông nghiệp cần hỗ trợ thiết bị máy móc phục vụ sản xuất (nguồn kinh phí vốn hỗ trợ phát triển sản xuất năm 2020); hỗ trợ các HTX về các điều kiện tham gia sản phẩm OCOP; phối hợp với dự án SME, Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ cho 03 HTX nông nghiệp: HTX Long Hiệp, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú; HTX quýt đường Thuận Phú, xã Bình Phú, huyện Càng Long;

HTX Tân Hòa, xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần xây dựng nhãn hàng và website quảng bá sản phẩm.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Rà soát, tổng hợp các hộ dân sống xa khu dân cư (nơi không có tuyến ống kéo đến để hỗ trợ dụng cụ trữ nước); lựa chọn nhà thầu mua sắm ống nước và phụ kiện để mở rộng tuyến ống cấp nước cho các hộ dân huyện Càng Long và Châu Thành; tiếp tục khai thác và quản lý tốt 116 trạm cấp nước phục vụ sản xuất. Trong tháng, lắp đặt cho 1.011 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 125.803 hộ sử dụng nước máy.

4. Tình hình thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, trong quý có 210,71 ha đất lúa kém hiệu quả chuyển đổi sang trồng màu, trồng cỏ nuôi bò; trồng mới 95,64 ha dừa và cây ăn trái (cây dừa 83,14 ha, cây ăn trái 12,5 ha); nâng cấp, cải tạo 27,5 ha vườn cây ăn trái tập trung chủ yếu ở huyện Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành và Cầu Ngang. Nâng tổng số từ năm 2014 đến nay chuyển đổi 19.072,93 ha, gồm chuyển sang trồng cây hàng năm 11.002,95 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm 4.811,62 ha, kết hợp nuôi thủy sản 3.258,36 ha để tăng giá trị trên đơn vị đất canh tác. Trong lĩnh vực nuôi thủy sản, chuyển từ hình thức nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến sang thâm canh và bán thâm canh 218,6 ha, đến nay được 3.140,5; chuyển từ các hình thức khác sang nuôi thâm canh mật độ cao 43,64 ha, đến nay được 141,74 ha (cùng kỳ 98 ha).

5. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Huyện Cầu Kè và Trà Cú tổ chức thực hiện 56 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 41.887 m, khối lượng 94.027 m³. Nâng tổng số đến nay các huyện Cầu Kè, Tiểu Cần và Trà Cú tổ chức thực hiện 99 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 67.553 m, khối lượng 195.548 m³, các huyện còn lại đang lập báo cáo kinh tế kỹ thuật. Các huyện Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành và Trà Cú thực hiện trực vớt lục bình ở 233 tuyến kênh cấp I, II, III của 30 xã để khai thông dòng chảy, diện tích 584.300 m². Có 04 huyện Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành và Trà Cú tổ chức bơm tạt nước chống hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ sản xuất lúa Đông Xuân, diện tích 5.723,8 ha, đạt 81,9% kế hoạch

Kết hợp Công ty TNHH MTV Quản lý KT CTTL thường xuyên kiểm tra độ mặn tại các cống đầu mối và trong nội đồng để vận hành cống tiếp nước ngọt phục vụ sản xuất. Hiện tại, mực nước trong nội đồng chỉ từ 0,28m đến 0,5m không đảm bảo phục vụ cho sản xuất (mực nước đảm bảo cho sản xuất từ 0,5m đến 0,8m), ngành đã kết hợp với địa phương, vận động các đoàn thể tổ chức thu gom, vớt lục bình trên các kênh, rạch nhằm khai thông dòng chảy, giúp điều hoà nguồn nước; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân chủ động lấy và tích trữ nguồn nước phục vụ cho sản xuất.

Nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp đoạn bờ bao cặp sông Trà Cú. Trình phê duyệt điều chỉnh dự toán các công trình: Khắc phục sụp lún kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển ấp Cồn Trúng, xã Trường Long Hòa (đoạn 750m); duy tu, bảo dưỡng đoạn đê Mỹ Long;

gia cố khắc phục sạt lở khẩn cấp kè tạm đầu phía Bắc công trình kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh. Trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình khắc phục khẩn cấp tình trạng sụp lún, hư hỏng đoạn đường đèo ấp Vịnh, ấp Long Thuận, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú. Thẩm định, phê duyệt dự toán công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp công qua đê Tả - Hữu sông Cổ Chiên, ấp Bùng Bình, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

Tổ chức 10 đợt kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, kè, các công trình qua đê, phát hiện 04 trường hợp vi phạm. Nâng đến nay đã tổ chức 49 đợt kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, kè, các công trình qua đê, phát hiện 09 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

Tổ chức 08 lớp tập huấn công tác phòng chống thiên tai, hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao cho 239 người dự.

Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết và thiên tai trên địa bàn tỉnh, đề xuất tham mưu xử lý kịp thời khi có tình huống; báo cáo đánh giá hiện trạng tổ chức bộ máy cơ quan phòng, chống thiên tai các cấp trên địa bàn tỉnh; báo cáo tình hình triển khai công tác tập huấn phòng, chống thiên tai; xây dựng kế hoạch thu quỹ phòng chống thiên tai năm 2020.

b) Công tác xây dựng cơ bản

Theo dõi tiến độ triển khai thực hiện 16 dự án (12 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới), gồm: 02 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 06 công trình đê, kè; 08 công trình dân dụng, giải ngân 56,8 tỷ đồng đạt 9,62% kế hoạch.

c) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Tổ chức 02 cuộc thanh tra chuyên ngành về ATTP tại 13 cơ sở sản xuất, kinh doanh, kết quả các cơ sở đều thực hiện tốt các quy định về ATTP; thẩm định điều kiện ATTP 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản, kết quả 06 cơ sở xếp loại A, 08 cơ sở xếp loại B; cấp 07 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 08 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 38 mẫu (20 mẫu thủy sản, 18 mẫu nông sản). Nâng tổng số đến nay tổ chức 05 cuộc thanh tra chuyên ngành ATTP tại 30 cơ sở sản xuất, kinh doanh, kết quả các cơ sở đều thực hiện tốt các quy định về ATTP; thẩm định điều kiện ATTP 24 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản, kết quả xếp loại 11 cơ sở A, 13 cơ sở B; cấp 13 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 13 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 51 mẫu (23 mẫu thủy sản, 28 mẫu nông sản), kết quả phát hiện 01 mẫu cá lóc thương phẩm tồn dư kháng sinh cấm. Xây dựng Kế hoạch hành động bảo đảm ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2020. Vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trên địa bàn huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, Cầu Ngang, Duyên Hải và Trà Cú; khảo sát, chọn vị trí lắp đặt pano tuyên truyền ATTP trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 984 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 920 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 119,89 triệu đồng; cấp 16 giấy phép khai thác thủy sản; chứng nhận 210,6 tấn nguyên

liệu thủy sản khai thác xuất khẩu. Nâng đến nay, tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 2.194 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.699 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 287,89 triệu đồng; cấp 31 giấy phép khai thác thủy sản; chứng nhận 308,3 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản đối với 79 cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc BVTV; thu 88 mẫu (phân bón, thức ăn, thuốc thú y và mẫu kiểm tra an toàn thực phẩm); phát hiện và xử lý 04 trường hợp theo quy định. Nâng đến nay thanh tra, kiểm tra 164 cơ sở, phương tiện (141 cơ sở kinh doanh; 09 cơ sở sản xuất và 02 lò giết mổ tập trung và 02 phương tiện vận chuyển sản phẩm động vật, 10 hộ giết mổ gia súc); thu 107 mẫu phân bón, mẫu kiểm tra an toàn thực phẩm, thức ăn và hoá chất nuôi thủy sản để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tịch thu 2kg thức ăn chăn nuôi giả (TABS); phát hiện và xử lý 16 trường hợp theo quy định.

d) Công tác khuyến nông và công tác giống

- Công tác khuyến nông:

+ Tổ chức 46 lớp tập huấn “Tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm cho đàn gia súc, gia cầm nuôi thủy sản và giải pháp phòng, chống hạn hán xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh” tại các huyện, thị xã, thành phố có 1.380 người tham dự; tư vấn trực tiếp 1.114 lượt hộ về kỹ thuật canh tác lúa, trồng cam, dứa, rau màu các loại, cải tạo ao, xử lý nước các biện pháp phòng, trị bệnh trong nuôi tôm sú, tôm thẻ, tôm càng xanh và phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; 01 phóng sự, 02 cuộc tọa đàm; cấp phát 12.000 tờ bướm về kỹ thuật canh tác lúa và cây ăn trái trong điều kiện hạn, mặn; kỹ thuật trồng rau ăn lá, làm đệm lót sinh học trong nuôi heo, nuôi tôm sú thâm canh, nuôi tôm càng xanh, nuôi cá lóc. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 83 lớp tập huấn “Tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm cho đàn gia súc, gia cầm nuôi thủy sản và giải pháp phòng, chống hạn hán xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh” tại các huyện, thị xã, thành phố có 2.473 người dự; tư vấn 1.259 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; 02 phóng sự, 02 cuộc tọa đàm, 02 bản tin thời sự về chuyên mục phòng, chống hạn hán xâm nhập mặn; cấp phát 15.000 tờ bướm về kỹ thuật canh tác lúa và cây ăn trái trong điều kiện hạn, mặn; kỹ thuật trồng rau ăn lá, làm đệm lót sinh học trong nuôi, nuôi tôm sú thâm canh, nuôi tôm càng xanh, nuôi cá lóc.

+ Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản của Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, bò đã phối giống 100% và sinh sản được 46 con bê, trọng lượng bê sơ sinh 22-25kg/con, hiện đàn bê đang tăng trưởng và phát triển tốt; Dự án “Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh”: Trồng thêm 4.788 cây giống, diện tích 3,8 ha, nâng đến nay đã trồng 25.200 cây, diện tích 20 ha ở 02 huyện: Châu Thành và Cầu Kè, cam được 0,5-7,5 tháng, phát triển tốt. Kết hợp Viện Cây ăn quả Miền Nam hướng dẫn qui trình nhân giống cam sành sạch bệnh và gieo hạt làm gốc ghép.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Phối hợp thực hiện đề tài “*Nhân giống cam sành không hạt S₁*” trong nhà lưới, cây phát triển tốt; tiếp nhận 30 cây S₁ và 06 S₀ quýt đường không hạt từ Viện cây ăn quả miền Nam, hiện cây phát triển bình thường; tiếp tục chăm sóc cây xoài, gấc, chanh, bơ sáp và cây gốc ghép bưởi; cung cấp 09 tấn lúa giống, 186 cây giống các loại.

+ Giống thủy sản: Chuẩn bị thực hiện đề tài “*Hoàn thiện qui trình sản xuất giống cua biển tại Trà Vinh*” và xây dựng đề cương thuyết minh đề tài “*Hoàn thiện qui trình sản xuất giống cá tra bản*”. Sản xuất 02 triệu ấu trùng tôm càng xanh, xuất bán 1,494 triệu con. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay sản xuất 6,8 triệu ấu trùng tôm, xuất bán 01 triệu post tôm sú, 2,39 triệu con post tôm càng xanh toàn đực.

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Giá trị sản xuất quý I chỉ đạt 16,29% kế hoạch và thấp hơn cùng kỳ 4,16%; ảnh hưởng của khô hạn và xâm nhập mặn làm cho 10.941 ha lúa bị thiệt hại (dự kiến có khoảng 5.000 ha mất trắng và 5.941 ha giảm năng suất); diện tích trồng màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác thấp hơn cùng kỳ 1.077 ha.

Bệnh Cúm gia cầm xảy ra, bệnh Lở mồm long móng và Dịch tả heo Châu phi luôn tiềm ẩn phát sinh làm hạn chế tái đàn vật nuôi, đặc biệt là tái đàn heo thấp; tỷ lệ tiêm phòng đạt thấp, chưa bảo hộ được đàn vật nuôi, một số hộ chưa thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định, mầm bệnh tồn lưu ngoài môi trường là những điều kiện thuận lợi để dịch bệnh phát sinh.

Công tác chỉ đạo sản xuất ở một số địa phương chưa sâu sát, một số nơi chưa tuân thủ lịch thời vụ sản xuất lúa và chỉ đạo tạm dừng xuống giống theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Một số hộ nuôi thủy sản chưa thực hiện đúng quy trình cải tạo ao, quy trình lắng, lọc, xử lý nước và xả thải trực tiếp ra môi trường tự nhiên, nguy cơ dịch bệnh phát sinh và lây lan ra diện rộng.

Tình hình vi phạm an toàn thực phẩm còn xảy ra và chậm được khắc phục, việc sử dụng kháng sinh cấm trong nuôi thủy sản chưa được kiểm soát chặt chẽ.

Môi trường ao nuôi tôm chưa ổn định, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát sinh.

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp nông thôn còn chậm, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế, diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác chưa đạt yêu cầu.

Chưa triển khai xây dựng được các mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, và sản xuất theo chuỗi giá trị.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư của ngành còn thấp, do đầu năm mới chuẩn bị các thủ tục để triển khai thực hiện.

Kinh tế hợp tác phát triển còn chậm và hiệu quả chưa cao nên chưa thu hút nông dân tham gia. Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến,

báo cáo trong ngành chưa được thực hiện tốt, thiếu kịp thời đặc biệt là trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh.

PHẦN II

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 4, QUÍ II NĂM 2020

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

Phấn đấu giá trị sản xuất quý II đạt thêm 5.905 tỷ đồng (giá so sánh 2010), trong đó: Nông nghiệp 3.682 tỷ đồng (trồng trọt 2.624 tỷ đồng, chăn nuôi 708 tỷ đồng, dịch vụ 350 tỷ đồng); lâm nghiệp 99 tỷ đồng; thủy sản 2.124 tỷ đồng (khai thác hải sản 352 tỷ đồng, khai thác nội đồng 120 tỷ đồng, nuôi trồng thủy sản 1.640 tỷ đồng, dịch vụ 12 tỷ đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm 10.722 tỷ đồng, đạt 36,97% kế hoạch.

Sản lượng cây trồng chủ yếu: Lúa 170.684 tấn; màu lương thực 25.680 tấn; màu thực phẩm 147.382 tấn; mía 19.885 tấn; đậu phộng 13.331 tấn; dừa 76.630 tấn; cây ăn trái 77.513 tấn.

Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu: Đàn trâu, bò tăng thêm 2.623 con; đàn heo tăng thêm 77.990 con, đàn gia cầm tăng thêm 275 ngàn con.

Sản lượng thủy sản: Tăng thêm 56.000 tấn (19.110 tấn tôm), trong đó: Nuôi trồng 31.961 tấn; khai thác 24.039 tấn.

II. CÔNG TÁC THAM MƯU CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Chỉ tiêu thu - nộp quỹ phòng, chống thiên tai năm 2020; kế hoạch phòng, chống thiên tai, Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; báo cáo kết quả cập nhật Bộ chỉ số teo dãi – Đánh giá nước sạch nông thôn năm 2019; ban hành Quy chế hoạt động quản lý thu, nộp, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; ban hành tiêu chí sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; phê duyệt Đề án bẫy côn trùng thông minh phục vụ công tác dự tính, dự báo sâu bệnh.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 05 Nghị quyết⁽¹¹⁾; trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua ban cán sự Đảng trình Tỉnh ủy ban hành 01 Kế hoạch⁽¹²⁾; 01 Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh⁽¹³⁾; 01 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh⁽¹⁴⁾; trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố 07 tiêu chí giá sát, đánh giá tái cơ cấu ngành nông nghiệp và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

III. CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀ PTNT

1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

⁽¹¹⁾ Quy định mức chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh; quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; Phương án Rò soát, chuyển đổi đất, rừng ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030

⁽¹²⁾ Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

⁽¹³⁾ Kế hoạch hành động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

⁽¹⁴⁾ Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

Cây lúa: Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp đề ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn đến hết mùa khô 2019-2020 theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2154/BNN-TCTL ngày 24/3/2020; theo dõi, cập nhật tình hình thiệt hại và thu hoạch lúa vụ Đông Xuân; tiếp tục phổ biến, tuyên truyền các biện pháp, kỹ thuật phòng, chống hạn, mặn; trình ban hành và thông báo lịch thời vụ xuống giống lúa các vụ Hè Thu, Thu Đông năm 2020 và vụ Đông Xuân 2020 – 2021; hướng dẫn nông dân tiêu mặn, xỏ phèn, vệ sinh đồng ruộng và xuống giống vụ Hè Thu dứt điểm theo khung lịch thời vụ, không kéo dài, ảnh hưởng đến vụ tiếp theo; hướng dẫn nông dân chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh đến giai đoạn an toàn, tuyệt đối không để xảy ra thiệt hại đầu vụ. Tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh, kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tập trung hướng dẫn nông dân theo dõi, chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân và xuống giống màu vụ mùa. Tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi diện tích sản xuất lúa sang trồng các loại hoa màu ở những nơi có điều kiện, tập trung phát triển một số cây chủ lực, có thị trường tiêu thụ.

Cây lâu năm: Hướng dẫn nhà vườn chăm sóc, bón các loại phân để tăng cường khả năng chống chịu mặn và tăng sức đề kháng cho cây trồng; tăng cường tưới, rửa mặn khi có điều kiện. Tiếp tục cải tạo vườn cây ăn trái, vườn dừa già cỗi, kém hiệu quả, chăm sóc diện tích vườn cây hiện có; thực hiện các biện pháp phòng, trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như bệnh đốm nâu trên cây thanh long, sâu đục trái trên cây có múi, bệnh chổi rồng trên nhãn, bọ cánh cứng hại dừa.

2. Chăn nuôi và thú y:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2020; giám sát tình hình dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi, đặc biệt là Cúm gia cầm, LMLM gia súc, Đại chố, mèo và Dịch tả heo Châu Phi; vận động các hộ chăn chủ động tiêm phòng đầy đủ cho đàn vật nuôi để bảo hộ cho đàn vật nuôi đặc biệt là trong thời điểm giao mùa, thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định; tăng cường công tác kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung; tổ chức tuyên truyền, tập huấn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản; rà soát tình hình chăn nuôi tại địa phương đặc biệt là những vùng chăn nuôi tập trung, tiếp tục triển khai hướng dẫn tái đàn theo kế hoạch. Phân công cán bộ trực tiếp bám sát địa bàn, hỗ trợ kỹ thuật và theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh tại các xã nuôi tôm trọng điểm của tỉnh; tiếp tục thu mẫu phân tích các bệnh nguy hiểm tại các vùng nuôi thủy sản trọng điểm để cảnh báo, hướng dẫn người nuôi xử lý.

3. Thủy sản:

Phối hợp với Đồn Biên phòng, Cửa khẩu cảng Trường Long Hòa, Đồn Biên phòng Long Vĩnh kiểm soát tàu cá không có giấy phép khai thác thủy sản, không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tại luồng tàu trọng tải lớn vào sông Hậu tại xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải; vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ tiền để mua con giống thủy sản thả vào môi trường tự nhiên nhân kỷ niệm ngày truyền thống Nghề cá (01/4/1959 - 01/4/2020); kiểm tra tình hình thiệt hại tôm,

cá nuôi tại 03 huyện Trà Cú, Châu Thành và Cầu Ngang để hướng dẫn người nuôi phòng, trị hiệu quả; tiếp tục thực hiện công tác quan trắc môi trường nước và thu mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn phân tích phục vụ nuôi thủy sản; khuyến cáo người nuôi chăm sóc tốt đàn tôm, cá thả nuôi và thường xuyên theo dõi các bản tin thông báo kết quả kiểm tra giáp xác để chủ động quản lý an nuôi; tăng cường kiểm tra tình hình giống nhập tỉnh và các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cung cấp con giống chất lượng.

4. Lâm nghiệp:

Tiếp tục trực phòng cháy chữa cháy rừng, thực hiện vệ sinh và kiểm tra công tác vệ sinh phòng cháy chữa cháy rừng; thực hiện giao khoán, bảo vệ rừng và trồng rừng theo kế hoạch; tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng, Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan; thường xuyên tuần tra, quản lý bảo vệ rừng; kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã; kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã, các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh mua bán lâm sản chấp hành các quy định của pháp luật; tiếp tục hoàn chỉnh Đề án chính sách hỗ trợ phát triển rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án giao rừng, cho thuê rừng, gắn liền với giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh có kế hoạch giữ vững và nâng chất các tiêu chí NTM ở các xã đã được công nhận; tham mưu xây dựng kế hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; tham mưu UBND tỉnh tổ chức lễ công bố Quyết định Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Cầu Kè đạt chuẩn NTM; phối hợp Sở, ngành, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân ĐKXD đời sống văn hóa các huyện rà soát, đánh giá, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí NTM trên địa bàn tỉnh; phối hợp với UBND huyện Càng Long triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng huyện nông thôn mới; hướng dẫn địa phương tổ chức triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và đầu tư phát triển; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện các phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Trình phê duyệt và triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn năm 2020.

Chương trình OCOP: Tổ chức tập huấn Chương trình OCOP cho các huyện, thị xã, thành phố; phối hợp UBND huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh về hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình OCOP; tổng hợp danh mục sản phẩm OCOP điều chỉnh, bổ sung theo đề án Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; trình thẩm định, phê duyệt dự toán Chương trình OCOP năm 2020.

Kinh tế hợp tác: Triển khai 09 lớp tập huấn hướng dẫn Hợp tác xã đánh giá theo Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT, 10 lớp thành lập và củng cố HTX nông nghiệp; 06 lớp tập huấn thành lập tổ hợp tác; xây dựng kế hoạch triển khai

thực hiện Dự án đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ quản lý HTX nông nghiệp; tổng hợp kế hoạch của các địa phương về triển khai Kế hoạch 33/KH-UBND ngày 12/4/2019 phát triển HTX, LHHTX và Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh”

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Phối hợp với đơn vị trúng thầu kéo tuyến ống cấp nước cho các hộ dân huyện Càng Long và Châu Thành theo kế hoạch; tuyên truyền, vận động các hộ dân sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo hài hoà, không để người dân thiếu nước sinh hoạt. Tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn và lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 2.000 hộ. Tiếp tục thực hiện các bước cổ phần hoá Trung tâm Nước sạch và VSMTNT theo lộ trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

II. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Tiếp tục tổ chức 45 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và phòng chống hạn, mặn; tiếp tục theo dõi các mô hình khuyến nông năm 2019 chuyển tiếp; hoàn chỉnh kế hoạch các mô hình, dự án thuộc chương trình vốn sự nghiệp năm 2020 để triển khai thực hiện; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện các phóng sự, tọa đàm, chuyên mục và bản tin thời sự về công tác khuyến nông.

Theo dõi, cập nhật tình hình xâm nhập mặn, thiệt hại do hạn mặn gây ra, đề tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời; tiếp tục đôn đốc các địa phương khẩn trương triển khai thi công và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thủy lợi nội đồng; tổ chức triển khai thi hành Luật Thủy lợi; tiếp tục tổ chức tập huấn công tác phòng chống thiên tai hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao 2020; tổng hợp số liệu điều tra bộ chỉ số cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2019 trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thường xuyên kiểm tra các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra; tổ chức Hội nghị tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2019, triển khai nhiệm vụ phòng, chống thiên tai năm 2020.

Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất thuộc nguồn vốn phân bổ năm 2020 và vốn kết dư năm 2019 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2020.

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động bảo đảm ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2020; thực hiện thanh, kiểm tra chuyên ngành ATTP, đồng thời thu mẫu sản phẩm để phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và ATTP; thẩm định điều kiện ATTP và xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đăng ký; thực hiện Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên địa bàn tỉnh; thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản và thông báo kết quả giám sát ATTP; hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chí ATTP đối với các xã đăng ký nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2020.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tổ chức 01 cuộc thanh tra về quản lý, sử dụng tài chính ngân nhà nước; thực hiện 10 cuộc thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, các hộ kinh doanh, buôn bán gỗ và các lâm sản khác.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2020.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 4

1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

- Cây lúa: Thống kê, tổng hợp diện tích lúa Đông Xuân bị thiệt hại, trình Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ nông dân tái sản xuất; tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp để ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn đến hết mùa khô 2019-2020 theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2154/BNN-TCTL ngày 24/3/2020; hướng dẫn nông dân tiêu mặn, xỏ phèn, vệ sinh đồng ruộng và xuống giống vụ Hè Thu dứt điểm theo khung lịch thời vụ theo Công văn số 1275/UBND-NN ngày 07/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn nông dân chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh đến giai đoạn an toàn, tuyệt đối không để xảy ra thiệt hại đầu vụ. Tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Chỉ đạo hướng dẫn nông dân xuống giống cây màu vụ mùa và truyền truyền, vận động nông dân đưa cây màu xuống chân ruộng ở những nơi có điều kiện, hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh gây hại như sâu tơ, sâu xanh, bệnh thán thư, bệnh cháy dây,... Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 35/KH-UBND tỉnh về chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

2. Chăn nuôi và thú y

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2020; giám sát tình hình dịch bệnh và tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là Cúm gia cầm, LMLM gia súc, Đại chó, mèo và Dịch tả heo Châu Phi; thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh Cúm gia cầm, LMLM gia súc không để lây lan sang diện rộng; vận động các hộ chăn chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi để bảo hộ cho đàn vật nuôi đặc biệt là trong thời điểm giao mùa, thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định; tăng cường công tác kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung; tổ chức tuyên truyền, tập huấn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản; rà soát tình hình chăn nuôi tại địa phương đặc biệt là những vùng chăn nuôi tập trung, triển khai hướng dẫn, đánh giá tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện hướng dẫn tái đàn heo.

3. Thủy sản

Tổ chức Lễ kỷ niệm ngày truyền thống nghề cá 01/4; khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường, dịch bệnh, độ mặn thích hợp thì thả nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh; tăng cường cán bộ chuyên môn trực tiếp theo dõi địa bàn các xã để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi thủy sản ở các vùng trọng điểm. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo để nông dân quản lý ao nuôi.

4. Lâm nghiệp

Tiếp tục trực phòng cháy chữa cháy rừng, kiểm tra công tác vệ sinh phòng cháy chữa cháy rừng năm 2020; thực hiện giao khoán, bảo vệ rừng theo kế hoạch; tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng, Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan; thường xuyên tuần tra, quản lý bảo vệ rừng; kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã; tiếp tục xây dựng Đề án chính sách hỗ trợ phát triển rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và triển khai thực hiện Đề án giao rừng, cho thuê rừng, gắn liền với giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển nông thôn


Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh xây dựng kế hoạch giữ vững và nâng chất các tiêu chí NTM ở các xã đã được công nhận; xây dựng kế hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; tổ chức lễ công bố Quyết định Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Cầu Kè đạt chuẩn NTM. Phối hợp các Sở, ngành, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân ĐKXD đời sống văn hóa các huyện rà soát, đánh giá, kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí NTM; phối hợp với UBND huyện Càng Long triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng huyện nông thôn mới; hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và đầu tư phát triển.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác tháng 3, quý I và kế hoạch công tác tháng 4, quý II năm 2020 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị, phòng, ban thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải

**THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN
THÁNG 3 VÀ QUÝ I/2020**

(Tính đến ngày 15/3/2020)

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Quý I/2019	KH vụ/năm 2020	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2020	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
	Giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	4.929	29.002		4.724	95,84%	16,29%
a	Giá trị SX nông nghiệp	"	3.578	18.190		3.249	90,80%	17,86%
	- Trồng trọt	"	2.364	13.370		2.212	93,59%	16,55%
	- Chăn nuôi	"	988	3.250		806,73	81,66%	24,82%
	- Dịch vụ	"	226	1.570		230	101,67%	14,65%
b	Giá trị lâm nghiệp	"	64	310		65	101,43%	20,82%
c	Giá trị sản xuất thủy sản	"	1.288	10.502		1.410	109,54%	13,43%
	- Khai thác hải sản	"	350	1.560		354,79	101,45%	22,74%
	- Khai thác nội đồng	"	95	420		72,45	76,08%	17,25%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	838	8.480		978,03	116,77%	11,53%
	- Dịch vụ thủy sản	"	5	42		5	100,74%	12,38%
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	90.233	278.480	5.712	83.000	91,98%	29,80%
	Cây lương thực có hạt	Ha	70.465	227.930	633	64.411	91,41%	28,26%
1	- Cây lúa	Ha	68.819	223.430	106	62.664	91,06%	28,05%
	- Thu hoạch	Ha	12.411	69.930	10.815	13.227	106,57%	18,91%
	- Sản lượng	Tấn	75.193	1.255.370	65.261	76.019	101,10%	6,06%
	Trong đó							
	Vụ mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.235	1.930		2.263	101,23%	117,25%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.235	1.930	282	2.214	99,05%	114,72%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	44,52	45,00	18,35	39,41	88,52%	87,58%
	- Sản lượng	tấn	9.952	8.685	518	8.726	87,68%	100,47%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.584	68.000	106,0	60.401	90,71%	88,82%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	10.176	68.000	10.533	11.013	108,23%	16,20%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	64,11	66,30	61,47	61,10	95,31%	92,16%
	- Sản lượng	tấn	65.241	450.840	64.743	67.293	103,15%	14,93%
	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha		75.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		52,00				
	- Sản lượng	tấn		390.000				
	Vụ Thu đông							
	- Diện tích	Ha		78.500				
	- Năng suất	Tạ/ha		51,70				
	- Sản lượng	tấn		405.845				
	Cây màu							
2	DT gieo trồng	Ha	21.413	55.050	5.606	20.336	94,97%	36,94%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2019	KH vụ/năm 2020	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2020	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	DT thu hoạch	Ha	10.826	55.050	6.791	10.291	95,06%	18,69%
	Sản lượng	tấn	284.895	1.404.491	159.250	234.066	82,16%	16,67%
2.1	Màu lương thực		2.569	7.500	883	2.596	101,04%	34,61%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.645	4.500	528	1.748	106,21%	38,83%
	- Diện tích thu hoạch	"	748	4.500	541	751,60	100,48%	16,70%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,3	55,00	51,6	51,50	93,13%	93,64%
	- Sản lượng	Tấn	4.136	24.750	2.796	3.871	93,58%	15,64%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	494	1.400	271	496,10	100,49%	35,44%
	+ Diện tích thu hoạch	"	133	1.400	108	123,30	92,71%	8,81%
	+ Năng suất	Tạ/ha	161,5	160,29	161,3	161,32	99,89%	100,65%
	+ Sản lượng	Tấn	2.148	22.440	1.742	1.989	92,60%	8,86%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	254	950	48	192,00	75,61%	20,21%
	+ Diện tích thu hoạch	"	41	950	33,7	33,70	82,20%	3,55%
	+ Năng suất	Tạ/ha	154,0	180,00	155,2	155,2	100,78%	86,22%
	+ Sản lượng	Tấn	631	17.100	523,0	523	82,84%	3,06%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	176	650	36	160,10	90,92%	24,63%
	+ Diện tích thu hoạch	"	35	650	39,6	39,6	113,14%	6,09%
2.2	Cây thực phẩm	Ha	11.557	33.550	1.955	11.287	97,67%	33,64%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	11.271	33.000	1.892	11.132,1	98,77%	33,73%
	+ Diện tích thu hoạch	"	7.570	33.000	4.715	7.414,1	97,94%	22,47%
	+ Năng suất	Tạ/ha	225,4	230,00	225,1	226,30	100,40%	98,39%
	+ Sản lượng	Tấn	170.628	759.000	106.137	167.782	98,33%	22,11%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	285	550	63	155,1	54,34%	28,20%
	+ Diện tích thu hoạch	"	57	550	22	37	64,91%	6,73%
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,9	18,20	17,6	17,600	98,32%	96,70%
	+ Sản lượng	Tấn	102	1.001	39	65,12	63,82%	6,51%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm		7.287	14.000	2.768	6.453	88,55%	46,09%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.378	4.500	1.014	3.409,1	100,92%	75,76%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.028	4.500	770	1.088,3	105,87%	24,19%
	+ Năng suất	Tạ/ha	54,10	54,00	54,16	54,17	100,13%	100,31%
	+ Sản lượng	Tấn	5.561	24.300	4.173	5.896	106,01%	24,26%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.269	2.000	451	557,8	43,94%	27,89%
	+ Diện tích thu hoạch	"	620	2.000	240	260,0	41,94%	13,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.118	950	953	953	85,21%	100,26%
	+ Sản lượng	Tấn	69.304	190.000	22.860	24.765	35,73%	13,03%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	803	2.700	361	794,2	98,94%	29,41%
	+ Diện tích thu hoạch	"	157	2.700	22	150,0	95,54%	5,56%
	+ Năng suất	Tạ/ha	108,6	115,00	108,6	109	100,12%	94,55%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2019	KH vụ/năm 2020	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2020	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Sản lượng	Tấn	1.705	31.050	239	1.631	95,66%	5,25%
	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.837	4.800	943	1.692,1	92,10%	35,25%
	+ Diện tích thu hoạch		437	4.800	299	393,0	89,93%	8,19%
3	Cây lâu năm dứa	tấn	80.330	267.000		83.571	104,03%	31,30%
4	Cây ăn quả	tấn	89.250	292.500		92.138	103,24%	31,50%
II	CHĂN NUÔI							
	- Tổng đàn trâu, bò	con	210.604	220.000		212.077	100,70%	96,40%
	- Tổng đàn lợn	con	220.516	320.000		119.210	54,06%	37,25%
	- Tổng đàn gia cầm	ngàn con	6.225,33	7.000		6.925	111,24%	98,93%
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		200				
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		257				
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		5.720				
	- Cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		50				
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	22.554	54.000	17.700	27.220	120,69%	50,41%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	424,08	4.300	63	191	44,98%	4,44%
	- Diện tích nuôi cá	"	279	2.600	62	190	67,93%	7,30%
	Trong đó: + Cá tra	"	13,15	60	1,00	1,12	8,52%	1,87%
	+ Cá lóc	"	63,58	300	13,72	44,15	69,44%	14,72%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	145	1.700	1	1	0,69%	0,06%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	145	1.700	1	1	0,69%	0,06%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	22.130	49.700	17.637	27.030	122,14%	54,39%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	22.130	48.000	17.637	27.030	122,14%	56,31%
	Trong đó: + Tôm sú	"	11.368	21.000	5.043	12.559	110,48%	59,80%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	2.110	8.500	834	2.046	96,94%	24,06%
	+ Cua biển	"	8.652	18.500	11.761	12.425	144%	67,16%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"		1.700				0,00%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	36.950	232.700	13.312	37.084	100,36%	15,94%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	19.547	147.000	8.063	19.929,6	101,96%	13,56%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	13.620	77.000	4.820	13.184	96,80%	17,12%
	- Sản lượng cá	"	12.963	75.000	4.653	12.518	96,56%	16,69%
	Trong đó: + Cá tra	"	2.679	15.000	860	955	35,65%	6,37%
	+ Cá lóc	"	7.735	40.000	2.943	9.478	122,52%	23,69%
	- Sản lượng giáp xác	"	657	2.000	167	667	101,50%	33,33%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	657	2.000	167	667	101,50%	33,33%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	5.927	70.000	3.243	6.746	113,80%	9,64%
	- Sản lượng tôm nuôi	"	5.897	67.800	3.220	6.701	113,62%	9,88%
	Trong đó: + Tôm sú	"	1.060	12.000	769	1.137	107,21%	9,47%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.332	49.000	2.047	4.739	109,40%	9,67%
	+ Nuôi cua biển	"	505	6.800	404	825	163,25%	12,13%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	30	2.200	23	45	149,67%	2,04%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	17.403	85.700	5.249	17.154	98,57%	20,02%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2019	KH vụ/năm 2020	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2020	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
2.2.1	Khai thác biển	Tấn	15.182	76.000	4.896	15.581	102,63%	20,50%
	- Sản lượng cá khai thác	"	6.964	37.000	2.667	8.142	116,91%	22,00%
	- Sản lượng giáp xác khai thác	"	1.937	8.000	679	1.769	91,30%	22,11%
	- SL hải sản khác khai thác	"	6.280	31.000	1.550	5.670	90,28%	18,29%
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.221	9.700	353	1.574	70,86%	16,22%
	- Cá các loại	"	1.084	5.500	132	641	59,09%	11,65%
	- Tôm các loại	"	822	1.800	71	405	49,26%	22,50%
	- Thủy sản khác	"	314	2.400	150	528	168,03%	22,00%
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	10.550		4.301	10.394	98,52%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	462		211	657	142,21%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	11.368		5.043	12.560	110,49%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	158		73	238	150,60%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	760		331	755	99,38%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	37		16	59	156,91%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	5		5	5	97,44%	
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	5.623		2.226	5.905	105,02%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	773		484	1.185	153,30%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	2.110		834	2.046	96,94%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	258		155	358	138,60%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.105		450	1.174	106,22%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	151		114	259	172,15%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	14		25	25	186,24%	